

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH**Nghị định quy định chi tiết một số điều
của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình
(Tài liệu phục vụ thẩm định của Bộ Tư pháp)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 (sau đây gọi là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được thông qua với nhiều nội dung mới không chỉ khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 mà còn thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong giai đoạn mới, bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình, hướng đến xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1529/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4. Quyết định giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết 5 nội dung gồm: khoản 3 Điều 19, khoản 8 Điều 25; khoản 3 Điều 39; khoản 5 Điều 40; khoản 3 Điều 42 và khoản 3 Điều 43 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Trong đó, nội dung tại khoản 3 Điều 43 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Thủ tướng giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng một nghị định riêng và trình Chính phủ vào tháng 10 năm 2024. Sau khi rà soát các nhiệm vụ Luật giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận thấy còn 5 nội dung chưa được quy định trong các văn bản hiện hành và cũng chưa giao trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung chưa được giao quy định chi tiết gồm:

khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 20, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 30 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Để bảo đảm tính đồng bộ trong triển khai, thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, dự thảo Nghị định cần bổ sung thêm những quy định chưa được giao trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Thực tiễn trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình vừa qua cho thấy, để Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đi vào cuộc sống thì cần phải đồng bộ từ Luật đến văn bản quy định chi tiết. Luật 2007 có hiệu lực ngày 01/7/2008 nhưng đến tháng 02 năm 2009 mới có Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nên cũng đã có những khó khăn nhất định trong tổ chức triển khai thi hành Luật. Bên cạnh đó, các quy định được giao Chính phủ quy định cũng cần được quy định chi tiết để áp dụng ngay vào cuộc sống. Vì vậy việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Phòng, chống bạo lực gia đình là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, bám sát và quy định chi tiết các nội dung Luật Phòng, chống bạo lực gia đình giao Chính phủ quy định và chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về phòng, chống bạo lực gia đình.

Thứ hai, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và đồng bộ trong hệ thống pháp luật, phù hợp với các Điều ước quốc tế Việt Nam đã ký kết và thực tiễn xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình trong giai đoạn chuyển đổi số.

Thứ ba, việc ban hành Nghị định này để quy định chi tiết Luật Phòng, chống bạo lực gia đình tạo hành lang pháp lý cho tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; đáp ứng được các yêu cầu về cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình; phát huy các nguồn lực trong xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Quy định chi tiết một số điều được Luật Phòng, chống bạo lực gia đình giao, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu lực thi hành giữa Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị định quy định chi tiết.

- Bảo đảm tính minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho việc thực thi có hiệu quả, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

- Bảo đảm quyền con người trong quá trình thực thi Luật, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành; xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

1. Ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi);
2. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập, nhóm chuyên gia xây dựng Nghị định.
3. Tổ chức Hội nghị - Hội thảo lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của dự thảo Nghị định; xin ý kiến chuyên gia.
4. Tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các sở, ban ngành có liên quan tại các địa phương, các tổ chức quốc tế, các đối tượng chịu sự tác động; thực hiện đăng tải Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định.
5. Gửi Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định và thực hiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
6. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định có 4 Chương, 47 điều bao gồm:

- Chương I. Quy định chung, gồm 2 điều (Điều 1, Điều 2).
- Chương II. Nội dung quy định chi tiết gồm 31 điều (từ Điều 3 đến Điều 33).
- Chương III. Chi ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình, gồm 11 điều (từ Điều 34 đến Điều 44).
- Chương VI. Tổ chức thực hiện, gồm 3 điều (từ Điều 45 đến Điều 47).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Chương I. Quy định chung

Chương này gồm Điều 1, Điều 2 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Trong đó, Điều 1 quy định “Phạm vi điều chỉnh”, Điều 2 quy định “Đối tượng áp dụng”.

2.2. Chương II. Nội dung quy định chi tiết

Chương này quy định chi tiết về khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 2 Điều 22, khoản 8 Điều 25, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39, khoản 5 Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

1) Điều 3 đến Điều 6 quy định về áp dụng hành vi bạo lực gia đình giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi. Trong đó, Điều 3 quy định về “Áp dụng hành vi bạo lực gia đình giữa người đã ly hôn”; Điều 4 quy định về “Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người chung sống như vợ chồng”; Điều 5 quy định về “Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng”; Điều 6 quy định về “Áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi”.

2) Điều 7, Điều 8 quy định về Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình. Trong đó, Điều 7 quy định về “Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình” được thiết 02 phương án xin ý kiến Chính phủ; Điều 8 quy định về “Nhiệm vụ của Tổng đài”.

3) Điều 9 đến Điều 12 quy định về quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình bao gồm cả quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo qua Tổng đài. Trong đó, Điều 9 quy định “Nguyên tắc bảo mật thông tin khi tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình”; Điều 10 quy định “Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua Tổng đài”; Điều 11 quy định “Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua địa chỉ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 12 quy định “Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình”.

4) Điều 13 quy định về các biện pháp áp dụng đối với người nước ngoài

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam là một nội dung khó. Để phù hợp với luật pháp quốc tế và bình đẳng giữa những người có hành vi bạo lực gia đình, bị bạo lực gia đình. Việc áp dụng trình tự, thủ tục như những trường hợp người nước ngoài trong trường hợp cần sự trợ giúp thì thực hiện như người Việt Nam thuộc nhóm dân tộc thiểu số không nói được tiếng phổ thông và viết được chữ quốc ngữ.

5) Điều 14 đến Điều 21 quy định về cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong đó, Điều 14 quy định về “Nguyên tắc khi cấm tiếp xúc”; Điều 15 quy định về “Các trường hợp đề nghị cấm tiếp xúc”; Điều 16 quy định về “Hình thức đề nghị và văn bản đề nghị cấm tiếp xúc”; Điều 17 quy định về “Quyết định cấm tiếp xúc”; Điều 18 quy định về “Tiếp xúc trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc”; Điều 19 quy định về “Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc”; Điều 20 quy định về “Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc”; Điều 21 quy định về “Chỗ ở cho người bị bạo lực gia đình khi thực hiện quyết định cấm tiếp xúc”.

Điều 19 quy định về “Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc”, có ý kiến cho rằng việc quy định khoảng cách 50m cần được làm rõ hơn trong thuyết minh tờ trình để làm rõ cơ sở thực tiễn áp dụng. Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định khoảng cách là 30m, thực tiễn hiện nay một người trưởng thành có thể ném xa từ 30 đến 45 mét, trường hợp đặc biệt có thể ném xa được 50m vì vậy khoảng cách 30m như hiện nay có thể nói là chưa an toàn. Vì vậy, cần thiết quy định khoảng cách an toàn từ 50m trở lên. Mặt khác, trong điều kiện có vật ngăn cách như tường, vách kiên cố thì không cần thiết quy định khoảng cách.

6) Điều 22 đến Điều 24 quy định về Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được quy định. Trong đó, Điều 22 quy định về “Nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 23 quy định về “Đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 24 quy định về “Xác nhận đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”.

Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được quy định theo hướng đơn giản về quy trình, thủ tục để khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia phòng, chống bạo lực gia đình. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu tham gia phòng, chống bạo lực gia đình chỉ cần đăng ký với cơ quan nhà nước là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện, fax. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm phải hướng dẫn cá nhân, tổ chức khi việc đăng ký chưa đúng hồ sơ quy định tại Nghị định. Trường hợp đủ điều kiện hoạt động thì phải xác nhận việc cá nhân, tổ chức đã đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động.

7) Điều 25 đến Điều 33 quy định về Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình. Trong đó, Điều 25 quy định về “Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 26 quy định về “Điều kiện đối với nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 27 quy định về “Thực hiện bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình cho nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 28 quy định về “Yêu cầu về cơ sở vật chất và địa điểm đối với cơ sở cung cấp nơi tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyên đổi hành vi bạo lực gia đình”; Điều 29 quy định về “Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 30 quy định về “Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 31 quy định về “Trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 32 quy định về “Trình tự, thủ tục cấp đổi

giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”; Điều 33 quy định về “Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình”.

Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được quy định với mục tiêu phát triển cơ sở chuyên nghiệp. Trong đó, một số hoạt động chuyên sâu như tư vấn tâm lý trị liệu tâm thần, các kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình, kỹ năng ứng phó với căng thẳng, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình, giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình,... vì vậy, việc thành lập loại hình này cần phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tuy nhiên, để đơn giản thủ tục và thuận tiện trong giải quyết, Dự thảo đã quy định về một đầu mối là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao để giải quyết cấp giấy chứng nhận thành lập, đăng ký hoạt động. Các điều kiện để được thành lập cũng được quy định có tính chất linh hoạt để cơ sở phát triển ví như một số hoạt động cần phải có cơ sở vật chất nhưng thay vì quy định cứng về tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở thì những hoạt động có thể thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ như hội trường, cơ sở vật chất khác. Thay vào đó, các tiêu chuẩn, điều kiện quy định theo hướng phải đáp ứng điều kiện về an toàn xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường,...

2.3. Chương III. Chi ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình

Chương này quy định chi tiết khoản 3 Điều 42 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

1) Điều 34, Điều 35 quy định về bố trí dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán. Việc quy định về bố trí dự toán, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và quy định có liên quan tại Luật Ngân sách nhà nước.

2) Điều 36 đến Điều 44 quy định về nội dung chi, mức chi hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình gồm:

- Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục; chi tổ chức cuộc thi về phòng, chống bạo lực gia đình; chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình; chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình; chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng; chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết.

- Việc quy định về chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục: nhiệm vụ chi căn cứ vào quy tại khoản 3 Điều 4, các Điều từ 13-15 và khoản 3 Điều 48 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung chi và mức chi áp dụng theo quy

định tại Điều 8 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2020/NĐ-CP).

- Việc quy định về chi tổ cuộc thi về phòng, chống bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào khoản 4 Điều 15 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung, mức chi áp dụng quy định tại Điều 9 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP.

- Việc quy định về chi xây dựng, triển khai thực hiện mô hình cộng đồng phòng, chống bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào khoản 2 Điều 6, khoản 8 Điều 48 và khoản 4 Điều 53 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung, mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP.

- Việc quy định chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào khoản 3 Điều 4, Điều 16 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung, mức chi áp dụng Điều 10 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP.

- Việc quy định về chi hoạt động giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào quy định tại điểm g khoản 1 Điều 22 và 31 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung, mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 và số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính; Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

- Việc quy định về chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào quy tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 22, các Điều 28, 29 và 30 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

- Việc quy định về chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình: Nhiệm vụ chi căn cứ vào khoản 4 Điều 6 và điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; nội dung chi, mức chi trên cơ sở chế độ, chính sách hiện hành.

- Việc quy định về chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng: Nhiệm vụ chi căn cứ vào quy tại khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, trong đó nhiệm vụ và giải pháp tại khoản 6 Mục III về kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số có nêu: "*Có chính sách đãi ngộ thoả đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố*"; kế thừa một số quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

- Việc quy định về chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết: Nhiệm vụ chi căn cứ vào khoản 5 Điều 4 và Điều 44 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

nội dung chi trên cơ sở chế độ, chính sách hiện hành và mức chi áp dụng theo Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính.

- Ngoài các nội dung chi nêu trên, tại các Điều 6, 8, 12, 22, 31, 45, 46 và 48 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định một số nhiệm vụ khác, bao gồm: biểu dương, khen thưởng; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; thống kê, thu thập và phân tích thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Hiện nay đã có đầy đủ văn bản quy định về nội dung chi, mức chi, vì vậy không cần thiết quy định tại Nghị định này mà được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.

- Về quy định này, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan góp ý hoàn thiện dự thảo, đặc biệt là ý kiến của Bộ Tài chính.

2.4. Chương IV. Tổ chức thực hiện

Chương này quy định về Hiệu lực thi hành; Điều khoản chuyên tiếp; Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành từ Điều 45 đến Điều 47.

Việc quy định điều khoản chuyên tiếp được áp dụng đối với các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình được thành lập theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2007) nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động của các cơ sở đã được thành lập.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Về Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình

Cơ quan soạn thảo xin ý kiến Chính phủ về số điện thoại Tổng đài quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định như sau:

Phương án 1:

Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là Tổng đài) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình. Tổng đài được sử dụng số điện thoại ngắn có ba (03) chữ số.

Phương án 2:

Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là Tổng đài) sử dụng số điện thoại 111 nhánh số ba (03) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

Cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn phương án 1, lý do:

Về phương án 1: Việc lập 01 số điện thoại mới có 03 chữ số tiếp nhận trực tiếp thông tin sẽ giúp cho thông tin được tiếp nhận nhanh hơn, tạo thuận lợi cho người bị bạo lực gia đình gọi đến số điện thoại, đặc biệt là trong tình trạng khẩn cấp. Nhưng nếu thêm 01 số điện thoại mới sẽ làm giảm tài nguyên số của quốc gia.

Về phương án 2: Việc dùng chung số điện thoại 111 trước hết sẽ tiết kiệm được tài nguyên số. Khi người dân gặp các vấn đề xã hội như bạo lực gia đình, trẻ em, buôn bán người sẽ gọi số 111 sẽ tạo ý thức về một số điện thoại giải quyết các vấn đề xã hội như hiện nay khi phòng cháy, chữa cháy gọi số 114, cấp cứu 115. Điểm hạn chế hiện nay là số 111 thuộc quản lý của một cơ quan chuyên môn không chịu trách nhiệm chính quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình nên có thể dẫn đến chông chéo nhiệm vụ khi triển khai. Mặt khác, việc dùng chung có thể dẫn đến nghẽn mạng khi có nhiều cuộc gọi cùng một thời điểm.

2. Về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an xã

Luật PCBLGD quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã, Công an xã tại các Điều 20, 22, 24, 25, 27, 29, 32, 45 về: Xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình; góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

Tuy nhiên, tại một số địa phương không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã như: huyện đảo Côn Đảo, Lý Sơn, Hoàng Sa. Do vậy, để đảm bảo thẩm quyền giải quyết và đề bảo vệ người bị bạo lực gia đình, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất quy định thẩm quyền triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống bạo lực gia đình cho Chủ tịch UBND cấp huyện và Công an huyện xử lý tại khoản 4 Điều 47 dự thảo Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức.

(3) Bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức.

(4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.

(5) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định;

(6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.

(7) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.

(8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, GĐ, Nhật (50).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Thị Thủy